

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI CÔNG TÁC ĐÀO TẠO LUẬT TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG KỶ NGUYÊN SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Trần Văn Luyện¹

Email: luyentv1060@gmail.com

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/11/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1020

Tóm tắt: Việt Nam đang bắt đầu bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, kỷ nguyên số với khoa học - công nghệ phát triển cao, đòi hỏi phải đổi mới toàn diện công tác đào tạo, trong đó có đào tạo luật tại các cơ sở giáo dục đại học. Báo cáo khoa học nhằm nghiên cứu nhận diện và đánh giá thực trạng hoạt động đào tạo luật trong bối cảnh số hóa; xác định những vấn đề đặt ra đối với đổi mới đào tạo luật hiện nay. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu truyền thống như phân tích, tổng hợp, so sánh, phỏng vấn chuyên gia để làm rõ những nội dung nghiên cứu. Từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện nội dung, phương pháp và điều kiện bảo đảm cho chuyển đổi số trong đào tạo luật ở các trường đại học Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: đào tạo luật, giáo dục đại học, kỷ nguyên số, số hóa, đổi mới

I. Đặt vấn đề

Những năm gần đây, Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên số với yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực thích ứng với kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và công nghệ thông minh trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Giáo dục đại học nói chung và đào tạo luật nói riêng đứng trước nhiệm vụ đổi mới toàn diện để cung cấp lực lượng chuyên gia pháp lý đáp ứng sự biến đổi nhanh chóng của môi trường pháp luật và thực tiễn quản trị quốc gia.

Đảng và Nhà nước đã xác định chuyển đổi số giáo dục là một trong những

trọng tâm chiến lược. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đặt ra yêu cầu thúc đẩy mạnh mẽ phát triển nguồn nhân lực đáp ứng xu thế mới. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến 2030 đề ra mục tiêu đẩy mạnh số hóa học liệu, triển khai mô hình đào tạo dựa trên công nghệ hiện đại. Đặc biệt, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,

¹ Trường Đại học Kiểm sát

đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Điều này dẫn tới áp lực thay đổi sâu sắc với các cơ sở đào tạo luật vốn có truyền thống đề cao phương pháp giảng dạy lý thuyết, ít tương tác công nghệ và mô phỏng thực hành nghề nghiệp.

Sự phát triển bùng nổ của các lĩnh vực pháp lý mới như pháp luật dữ liệu cá nhân, pháp luật kinh tế số, an ninh mạng đặt ra yêu cầu bắt buộc phải cập nhật nội dung đào tạo luật. Thực trạng đào tạo luật hiện nay ở Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế: chương trình đào tạo chậm đổi mới; ứng dụng công nghệ chưa đồng bộ; kỹ năng thực hành của sinh viên còn yếu; liên kết với thị trường lao động pháp lý chưa chặt chẽ; hạ tầng kỹ thuật và học liệu số chưa tương xứng.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đó, nghiên cứu này tập trung phân tích cơ sở lý luận và thực trạng đổi mới công tác đào tạo luật trong kỷ nguyên số tại Việt Nam; đồng thời đề xuất hệ thống giải pháp mang tính khả thi nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực luật, góp phần thúc đẩy sự phát triển đất nước trong điều kiện cách mạng công nghệ lần thứ tư.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Các lý thuyết cơ bản để đổi mới công tác đào tạo luật trong kỷ nguyên số

Cơ sở lý thuyết của nghiên cứu về đổi mới công tác đào tạo luật trong kỷ nguyên số được hình thành trên nền tảng một số tiếp cận lý thuyết chủ yếu. Thứ nhất, lý thuyết về giáo dục đại học trong bối cảnh chuyển đổi số khẳng định việc ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo là động lực quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo. Thứ hai, lý thuyết về năng lực số cung cấp khung khái niệm đánh giá năng lực của giảng viên và

sinh viên trong việc khai thác công nghệ. Thứ ba, lý thuyết kiến tạo và học tập trải nghiệm được sử dụng để lý giải yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy luật, nhấn mạnh vai trò của người học trong việc tự kiến tạo tri thức. Thứ tư, nghiên cứu vận dụng lý thuyết về đào tạo dựa trên năng lực, xem đây là định hướng quan trọng nhằm bảo đảm chương trình đào tạo bám sát nhu cầu thị trường lao động pháp lý trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Cuối cùng, lý thuyết về hội nhập quốc tế trong giáo dục đại học tạo cơ sở để xem xét yêu cầu đổi mới nội dung đào tạo luật theo hướng tiếp cận chuẩn mực quốc tế, tích hợp các lĩnh vực pháp lý mới như luật công nghệ, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và pháp luật trí tuệ nhân tạo. Các khung lý thuyết này kết hợp tạo nền tảng khoa học vững chắc cho việc phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp đổi mới đào tạo luật tại Việt Nam hiện nay.

Quán triệt các lý thuyết cơ bản để đổi mới công tác đào tạo luật trong kỷ nguyên số, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần chuẩn hóa chương trình phù hợp với thực tiễn Việt Nam hiện nay và xu hướng quốc tế hóa ngành Luật. Phương pháp giảng dạy cần đổi mới, gắn chặt với ứng dụng công nghệ. Cần nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên theo hướng đào tạo mới và đào tạo lại, thực hiện học tập suốt đời. Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục tham mưu của Đảng, Nhà nước đổi mới toàn diện cơ chế, chính sách về đào tạo pháp luật, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trong kỷ nguyên mới.

2.2. Cơ sở lý luận về đổi mới đào tạo luật trong kỷ nguyên số

Đào tạo luật được hiểu là quá trình trang bị cho người học hệ thống kiến thức pháp luật, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức

và bản lĩnh thực thi pháp luật, nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động pháp lý trong xã hội. Truyền thống đào tạo luật ở Việt Nam chủ yếu thiên về lý thuyết, định hướng nghề nghiệp và ứng dụng còn hạn chế.

Vũ (2025, tr. 51) cho rằng: “Chuyển đổi số trong giáo dục là quá trình ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học, quản lý giáo dục và xây dựng mô hình giáo dục thông minh”. Kỷ nguyên số được đặc trưng bởi những thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với nền tảng là trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), chuỗi khối (Blockchain), Internet vạn vật (IoT), công nghệ điện toán đám mây. Những biến đổi này dẫn đến thay đổi cách thức sinh sống, làm việc, quản trị và thiết lập pháp luật đối với các quan hệ xã hội mới.

“Giáo dục chuyển đổi số là một xu hướng toàn cầu có vai trò vô cùng to lớn tạo nên bước ngoặt phát triển cho giáo dục...” (Lê & Phan, 2023, tr. 37). Yêu cầu đổi mới đào tạo luật xuất phát từ sự dịch chuyển mạnh mẽ của môi trường pháp lý, hoạt động của người hành nghề luật. Khả năng phân tích dữ liệu số, sử dụng hệ thống án lệ điện tử, tra cứu pháp luật trực tuyến và tham gia tố tụng số trở thành yêu cầu bắt buộc. Giáo dục pháp luật do đó phải thay đổi cả nội dung, phương pháp và cách thức tổ chức. Công nghệ số khiến ranh giới giữa pháp luật và các ngành khoa học khác trở nên mờ hơn, hình thành việc nghiên cứu đa ngành, liên ngành. Một số ngành đang đan xen mạnh mẽ: pháp luật và khoa học dữ liệu; pháp luật và quản trị công nghệ; pháp luật và an ninh mạng; pháp luật và thương mại điện tử...

Nhiều quốc gia phát triển đã đi trước Việt Nam trong chuyển đổi số đào tạo luật. Các mô hình tiêu biểu gồm:

- Hoa Kỳ: Tăng cường đào tạo pháp luật gắn với công nghệ và dữ liệu; các trường luật như Harvard, Stanford giảng dạy chuyên ngành LegalTech (công nghệ pháp lý), Cyberlaw (pháp luật không gian mạng), AI & Law (trí tuệ nhân tạo và pháp luật) khai thác thực tế ảo trong moot court (phiên tòa giả định).

- Anh: Chuẩn hóa đào tạo kỹ năng luật sư thông qua nền tảng số và thi luật sư trực tuyến; mở rộng thư viện dữ liệu pháp lý quốc gia.

- Singapore: Thử nghiệm tòa án công nghệ cao, cơ chế tố tụng không giấy; sinh viên được thực hành trên hệ thống án trực tuyến ngay trong chương trình học.

- Châu Âu: Đẩy mạnh khung kỹ năng số cho luật gia (Digital Lawyering Skills), tăng liên kết giữa trường luật và doanh nghiệp công nghệ.

Các mô hình này cho thấy yêu cầu tích hợp giữa khoa học pháp lý và công nghệ thông tin là xu thế tất yếu mà các trường luật Việt Nam cần tiếp cận.

Để đạt hiệu quả, quá trình đổi mới đào tạo luật cần tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau:

Nguyên tắc 1. Đảm bảo định hướng chính trị - pháp lý đúng đắn. Giáo dục pháp luật phục vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, vì vậy đổi mới phải gắn với mục tiêu phát triển và bảo vệ chế độ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Nguyên tắc 2. Gắn kết chặt chẽ lý luận và thực tiễn tư pháp. Kiến thức pháp luật phải gắn liền kỹ năng hành nghề, giải quyết vấn đề thực tiễn tại cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án, doanh nghiệp.

Nguyên tắc 3. Phát triển năng lực người học theo chuẩn đầu ra. Năng lực bao

gồm: năng lực pháp lý cốt lõi, năng lực số, tư duy phản biện và đạo đức nghề nghiệp.

Nguyên tắc 4. Công nghệ số là công cụ, không phải mục đích. Ứng dụng công nghệ cần được thiết kế nhằm nâng cao chất lượng học tập, không phải chạy theo xu hướng hình thức.

Nguyên tắc 5. Bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận tri thức pháp luật. Chuyển đổi số không được tạo ra khoảng cách cơ hội học tập giữa người học ở các khu vực, điều kiện khác nhau.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính với các công cụ chính: Thu thập các văn bản chính sách, công trình nghiên cứu, mô hình dạy học ...; Phân tích, tổng hợp, so sánh để đánh giá sự khác biệt giữa phương pháp dạy học truyền thống và phương pháp dạy học trong môi trường công nghệ số; Phương pháp phỏng vấn chuyên gia là các giảng viên dạy luật tại một số trường đại học đào tạo luật ở Việt Nam.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng đổi mới đào tạo luật tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam

Trong giai đoạn 2020 - 2022, đại dịch COVID-19 đã trở thành “cú hích bắt buộc” đối với giáo dục đại học Việt Nam. Các trường luật đồng loạt chuyển sang đào tạo trực tuyến, sử dụng hệ thống quản lý học tập (LMS) như *Moodle*, *MS Teams*, *Google Classroom*, *Zoom*, *K12Online*. Đây là trải nghiệm chuyển đổi số quy mô lớn chưa từng có. Nó góp phần: thúc đẩy nhận thức của giảng viên và sinh viên về lợi ích công nghệ; tăng cường năng lực giảng dạy số và tương tác trực tuyến; mở rộng cơ hội tiếp cận tài liệu học tập từ xa. Sau đại dịch, nhiều cơ sở giáo dục đại học tiếp tục duy

trì và nâng cấp hạ tầng công nghệ. Tuy nhiên, mức độ chuyển đổi số chưa đồng đều giữa các cơ sở đào tạo luật.

Thứ nhất, liên kết đào tạo luật với sự phát triển của LegalTech Việt Nam

Việt Nam hiện có nhiều nền tảng LegalTech tiêu biểu như: Thuận An Group với dịch vụ pháp lý điện tử; LegalZone, VietnamLaw, Lega cung cấp tư vấn pháp luật qua nền tảng số; Hệ thống đăng ký doanh nghiệp trực tuyến, cổng dịch vụ công pháp lý triển khai rộng rãi tại các bộ, ngành. Ngoài ra, trợ lý ảo pháp lý, tra cứu án lệ số, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật được vận hành thường xuyên. Điều này thể hiện xu hướng nghề luật đang dịch chuyển từ hồ sơ giấy sang hồ sơ số, từ tư vấn trực tiếp sang tư vấn trực tuyến. Tuy vậy, phần lớn sinh viên luật vẫn chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng về chuyển đổi số. Khoảng cách giữa nhu cầu thị trường và nội dung đào tạo vẫn còn đáng kể.

Thứ hai, đổi mới chương trình đào tạo và nội dung pháp luật

Nhiều trường luật đã bước đầu cập nhật các học phần liên quan kỹ nguyên số, ví dụ: Pháp luật về thương mại điện tử; An ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân; Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong môi trường số. Một số trường thử nghiệm: Pháp luật và công nghệ, Kỹ năng số trong nghề luật. Nhưng nhìn chung chưa có khung chương trình chuẩn về đào tạo “luật số”. Các ngành luật truyền thống (luật hiến pháp, luật hình sự...) chưa tích hợp tri thức số; hạn chế giáo trình, tài liệu cập nhật, thiếu nguồn học liệu số chuẩn hóa.

Thứ ba, ứng dụng phương pháp và môi trường mô phỏng

Đổi mới phương pháp giảng dạy là điểm sáng tại một số cơ sở như Tòa án mô

phòng, xét xử ảo; đào tạo kỹ năng trên hồ sơ điện tử; thực tập số tại cơ quan tư pháp, doanh nghiệp... Tuy nhiên, mô hình này hiện chủ yếu có ở các trường trọng điểm, còn nhiều trường luật địa phương gặp khó khăn về kinh phí và chuyên môn.

Thứ tư, Đội ngũ giảng viên và năng lực ứng dụng công nghệ

Một điểm nghẽn quan trọng nằm ở năng lực số của giảng viên. Theo đánh giá của các chuyên gia thì khoảng 30 - 40% giảng viên luật vẫn còn hạn chế trong thiết kế bài giảng số, số hóa học liệu. Tỷ lệ giảng viên am hiểu lĩnh vực pháp luật công nghệ còn thấp. Thiếu chuyên gia pháp luật công nghệ cao để giảng dạy chuyên sâu.

Bảng 1. Đánh giá ứng dụng công nghệ trong các trường luật

Nhóm cơ sở đào tạo	Đặc điểm
Trọng điểm quốc gia, trường lớn	Có phòng xử án, học liệu số, LMS hiện đại, đào tạo mới nhanh
Trường khu vực, địa phương	Hạ tầng yếu, chuyển đổi số chậm, phụ thuộc học trực tuyến đơn lẻ
Các cơ sở ngoài công lập	Năng động nhưng chi phí hạn chế, giáo trình thiếu cập nhật

Nếu không thu hẹp chênh lệch này, chất lượng đào tạo luật quốc gia sẽ phân tầng mạnh hơn trong tương lai.

Thứ trưởng Nguyễn Văn Phúc chỉ rõ: “Sự chênh lệch về chất lượng đội ngũ giữa các cơ sở đào tạo; mức độ gắn kết với thực tiễn chưa đồng đều; năng lực chuyển đổi số và học liệu điện tử còn hạn chế, cũng như tiến độ kiểm định chương trình chưa tương xứng với yêu cầu” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025).

Từ những phân tích trên, có thể khái quát 5 thách thức lớn: (1) Khoảng cách nhận thức số giữa cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường pháp lý; (2) Chậm trễ chế hóa chuẩn chương trình đào tạo luật trong kỷ nguyên số; (3) Thiếu nhân lực công nghệ - pháp lý; (4) Học liệu số thiếu và chưa mở; (5) Rủi ro bảo mật dữ liệu trong đào tạo

Thứ năm, Liên kết giữa nhà trường và cơ quan tư pháp còn yếu

Chuyển đổi số trong hệ thống tư pháp Việt Nam như: xét xử trực tuyến, chứng cứ điện tử... đang phát triển mạnh. Nhưng phần lớn sinh viên, học viên chưa được tiếp cận trực tiếp vì: quy định pháp luật hạn chế truy cập dữ liệu; thiếu hợp tác bền vững giữa trường đại học - cơ quan tư pháp. Việc chia sẻ học liệu thực tiễn còn mang tính cá nhân, không hệ thống. Điều này đã làm hạn chế kỹ năng hành nghề pháp lý gắn với môi trường công nghệ.

Thứ sáu, Chênh lệch cơ sở hạ tầng giữa các trường luật còn lớn

trực tuyến và mô phỏng tố tụng. Nếu không có giải pháp căn cơ, đào tạo luật sẽ đối diện nguy cơ tụt hậu ngay trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Trương (2025) đánh giá: “Chuyển đổi số... mở ra những cơ hội lớn để nâng cao chất lượng dạy và học, thu hẹp khoảng cách tiếp cận tri thức, nhưng cũng đặt ra rào cản về nhân lực, hạ tầng và tư duy đổi mới”.

4.2. Giải pháp đổi mới đào tạo luật trong kỷ nguyên số

4.2.1. Hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý giáo dục đại học đào tạo luật

Một là, xây dựng và ban hành khung chương trình và chuẩn đầu ra dành riêng cho đào tạo luật trong kỷ nguyên số: Thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 nhưng mở rộng thêm chuẩn về năng lực

số, phân tích dữ liệu pháp lý và ứng dụng công nghệ mới. Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Tư pháp xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng chương trình đào tạo luật tích hợp công nghệ.

Nhà nước cần có chính sách ưu đãi ngân sách cho việc xây dựng phòng xử án mô phỏng, mua bản quyền học liệu số; Áp dụng cơ chế “quỹ chuyển đổi số giáo dục” dành riêng cho đào tạo luật và ngành nghề pháp lý.

Ba là, tổ chức đánh giá định kỳ: đào tạo luật trước và sau chuyển đổi số - so sánh năng lực nghề nghiệp, mức độ ứng dụng công nghệ. Khuyến khích trường đạt chuẩn AUN-QA, chuẩn quốc tế, hoặc có tiêu chí về chuyển đổi số.

Bốn là, hoàn thiện chính sách như bảo mật dữ liệu cá nhân, tổ chức, quyền riêng tư khi tham gia sâu vào chuỗi công nghệ toàn cầu.

4.2.2. Đổi mới nội dung chương trình và phương pháp giáo dục

Một là, cập nhật pháp luật dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, AI & luật, thương mại điện tử, fintech. Phát triển môn hành nghề luật số: soạn thảo hợp đồng số, quản lý hồ sơ điện tử, tra cứu án lệ số, kỹ năng phân tích dữ liệu pháp lý.

Hai là, tích hợp xuyên suốt giữa kiến thức luật và kỹ năng số, thiết kế module liên ngành: luật + công nghệ thông tin + dữ liệu lớn. Tổ chức workshop (Hội thảo chuyên đề), hackathon (cuộc thi sáng tạo công nghệ pháp lý), mô phỏng giải quyết tranh chấp số.

Ba là, phương pháp giảng dạy chuyển từ truyền thụ sang trải nghiệm số hóa

Học qua dự án thực tế, mô phỏng phiên tòa ảo, thực tập tại doanh nghiệp LegalTech. Duy trì mô hình học kết hợp

(blended learning) - trực tuyến + hiện trường nhằm tăng tính linh hoạt và hiệu quả.

4.2.3. Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên và nhân viên hỗ trợ số hóa

Nhà trường cần tổ chức khóa đào tạo “Luật và chuyển đổi số” dành riêng cho giảng viên. Khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu LegalTech, dự án số hóa pháp lý. Mỗi khoa luật cần có “nhóm chuyển đổi số” gồm: luật sư, chuyên gia IT (Công nghệ thông tin), dữ liệu pháp lý. Nhóm này đảm trách việc lựa chọn học liệu số, phát triển môi trường mô phỏng và đảm bảo bảo mật dữ liệu.

4.2.4. Tăng cường hợp tác giữa nhà trường, cơ quan tư pháp và thị trường LegalTech

Nhà trường cần hợp tác với cơ quan tư pháp để truy cập hồ sơ án điện tử, phiên tòa mô phỏng. Hợp tác với startup LegalTech để triển khai thực tập số - thử nghiệm thực tế ngay trong chương trình học. Đồng thời, mời những người hành nghề liên quan LegalTech tham gia giảng dạy/mentor.

4.2.5. Xây dựng hệ thống học liệu số và môi trường học tập số hóa

Một là, xây dựng học liệu luật số như thư viện điện tử, dữ liệu án lệ, cơ sở dữ liệu pháp luật mở.

Trường đại học cần xây dựng kho học liệu số riêng và liên kết với hệ thống quốc gia. Khuyến khích xuất bản học liệu mỹ thuật số, đa phương tiện (video, mô phỏng 3D, VR).

Hai là, xây dựng môi trường học tập mô phỏng - lớp học ảo - tòa án số

Thiết lập phòng xử án ảo, phòng thí nghiệm dữ liệu pháp lý cho sinh viên thử nghiệm. Sử dụng công nghệ VR/AR để mô phỏng phiên tòa, tranh tụng số.

4.2.6. *Đảm bảo chất lượng, đánh giá và cải tiến liên tục*

Một là, xây dựng bộ chỉ số đánh giá “đào tạo luật số hóa”

Tỷ lệ sử dụng học liệu số, thời gian học trực tuyến, số dự án LegalTech của sinh viên, tỷ lệ việc làm của cử nhân luật số cần được tăng cường. Chú trọng đào tạo năng lực phản biện số, xử lý dữ liệu, ứng dụng công nghệ trong nghề luật.

Hai là, cơ chế phản hồi từ thị trường lao động và khảo sát sinh viên, học viên

Đầu ra là bức tranh phản chiếu chất lượng đào tạo. Vì vậy, cần định kỳ khảo sát sinh viên, học viên và nhà tuyển dụng để điều chỉnh chương trình đào tạo.

Ba là, cải tiến liên tục theo công nghệ và thực tiễn pháp lý mới

Từ 2 - 3 năm, nhà trường phải có kế hoạch cập nhật học nội dung đào tạo để bắt kịp công nghệ mới và thay đổi pháp luật.

4.2.7. *Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong đào tạo luật và hành nghề luật tương lai*

Một là, AI như một thành phần cốt lõi trong kiến thức và kỹ năng pháp lý mới

Cập nhật chương trình đào tạo luật bắt buộc có nội dung về: công nghệ AI trong phân tích pháp lý; tự động hóa quy trình luật (legal automation); trách nhiệm pháp lý liên quan AI. Trang bị kỹ năng đọc hiểu và đánh giá đầu ra của AI, tránh phụ thuộc mù quáng. Đào tạo tư duy phản biện trước lối suy luận, thiên kiến dữ liệu trong AI.

Hai là, Ứng dụng AI trong giảng dạy và đánh giá

Sử dụng AI hỗ trợ mô phỏng phiên tòa và hành vi tố tụng. AI chấm đánh giá kỹ năng tranh tụng, hỗ trợ phân tích vụ án

điển hình, gợi ý lập luận pháp lý để phản biện. Tự động tạo tình huống pháp lý mới giúp nâng cao khả năng sáng tạo của sinh viên.

Ba là, Sử dụng AI trong nghiên cứu pháp lý và tiếp cận dữ liệu pháp luật

Áp dụng AI khai thác án lệ, hồ sơ tư pháp số. Hình thành kỹ năng nghiên cứu như so sánh pháp luật, phát hiện xu hướng “pháp lý hóa” các công nghệ mới. Khuyến khích sinh viên làm đề tài về LegalTech và AI ứng dụng trong tố tụng, hợp đồng và quản trị nội bộ doanh nghiệp.

Bốn là, Xây dựng chuẩn đạo đức và quy tắc sử dụng AI trong đào tạo luật

Giới hạn rõ ràng việc sử dụng AI trong thi cử, soạn thảo học thuật. Giáo dục nguyên tắc bảo mật, trách nhiệm khi xử lý dữ liệu pháp lý bằng AI. Tuân thủ pháp luật bảo vệ dữ liệu cá nhân và an ninh mạng tại Việt Nam.

Cuối cùng và quan trọng nhất, Giảng viên cần chủ động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ pháp lý hiện đại, chuyển từ dạy kiến thức sang phát triển năng lực. Sinh viên, học viên cần tích cực nâng cao kỹ năng số, tiếp cận các xu hướng công nghệ và mô hình hành nghề luật tương lai. Cả hai chủ thể tham gia xây dựng văn hóa học thuật mới: sáng tạo - mở - hội nhập - tuân thủ đạo đức và pháp luật.

V. **Kết luận**

Đổi mới công tác đào tạo luật tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam trong kỷ nguyên số là yêu cầu tất yếu xuất phát từ sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự chuyển biến nhanh chóng của môi trường pháp lý và yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng. Đảng và Nhà nước đã định hướng rõ ràng mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân lực chất

lượng cao, đáp ứng chuẩn mực toàn cầu và thích ứng hiệu quả với mô hình quản trị xã hội số hóa.

Thực tiễn đào tạo luật trong nước cho thấy: những kết quả đạt được là quan trọng song còn khoảng cách đáng kể giữa yêu cầu đổi mới và khả năng đáp ứng. Trong bối cảnh đó, việc đẩy mạnh chuyển đổi số, thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo, hình thành hệ sinh thái LegalTech Việt Nam, phát triển môi trường học tập mô phỏng và số hóa toàn diện hoạt động đào tạo là con đường cấp thiết và chiến lược để đào tạo thế hệ cử nhân luật có tư duy phản biện, năng lực số, bản lĩnh nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Ban chấp hành Trung ương Đảng. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [2]. Bộ Chính trị. (2019). *Nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*.
- [3]. Bộ Chính trị. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 ban hành chuẩn chương trình đào tạo đại học*.
- [5]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). *Tài liệu Hội nghị sơ kết triển khai Chương trình “Tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật giai đoạn 2023 - 2030” (Chương trình 1056)*. Trường Đại học Luật TP.HCM.
- [6]. Lê, T. H. Đ., & Phan, L. N. C. (2023). Thúc đẩy chuyển đổi số trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng (HIUJS)*, 25, 37-44. <https://doi.org/10.59294/HIUJS.25.2023.500>.
- [7]. Thủ tướng Chính phủ. (2020). *Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về Chương trình chuyển đổi số quốc gia*.
- [8]. Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến 2030*.
- [9]. Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022: Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”*.
- [10]. Thủ tướng Chính phủ. (2023). *Quyết định số 1056/QĐ-TTg ngày 13 tháng 9 năm 2023 về việc phê duyệt “Chương trình tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật giai đoạn 2023 - 2030”*.
- [11]. Trương, V. M. (2025). Giáo dục Việt Nam trong kỷ nguyên chuyển đổi số - cơ hội, thách thức và yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo. *Tạp chí điện tử Giáo chức Việt Nam*. <https://tapchigiaochuc.com.vn/giao-duc-viet-nam-trong-ky-nguyen-chuyen-doi-so---co-hoi-thach-thuc-va-yeu-cau-doi-moi-can-ban-toan-dien-giao-duc-dao-cao.html>.
- [12]. Vũ, T. T. L. (2025). Chuyển đổi số trong giáo dục Việt Nam: thực trạng và giải pháp. *Tạp chí điện tử Việt Nam hội nhập*, 339, 51-54. <https://doi.org/10.62829/VNHN.339.51.54>.

SOME ISSUES ON INNOVATING LEGAL EDUCATION AT HIGHER EDUCATION INSTITUTIONS IN THE DIGITAL ERA IN VIETNAM

Tran Van Luyen¹

Abstract: *Vietnam is entering a new phase of national development characterized by the rapid advancement of digital technologies and science, which necessitates a comprehensive transformation of higher education, including legal education. This paper aims to identify and critically assess the current state of legal education in Vietnam within the context of digitalization, while also examining the key challenges confronting contemporary reforms in legal training. Employing established qualitative research methods-such as analytical and synthetic approaches, comparative analysis, and expert interviews-the study systematically clarifies the core research issues. Based on the findings, the paper proposes recommendations to enhance curricular content, pedagogical approaches, and institutional conditions to effectively promote digital transformation in legal education at Vietnamese universities.*

Keywords: *legal education, higher education, the digital era, digitalization, innovation*

¹ Vietnam Procuratorate University